



TỔNG CỤC THỐNG KÊ

**SỔ TAY HƯỚNG DẪN**  
**LẬP BẢNG KÊ HỘ**  
**ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024**



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ



TỔNG CỤC THỐNG KÊ

SỔ TAY HƯỚNG DẪN  
**LẬP BẢNG KÊ HỘ**  
ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ - 2023



# MỤC LỤC

	Trang
<b>Phần I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ, PHẠM VI VÀ CÁC KHÁI NIỆM SỬ DỤNG TRONG CÔNG TÁC LẬP BẢNG KÊ HỘ</b>	<b>7</b>
I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU	9
II. ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ, PHẠM VI LẬP BẢNG KÊ HỘ	9
III. MỘT SỐ KHÁI NIỆM	9
<b>Phần II. HƯỚNG DẪN LẬP BẢNG KÊ HỘ</b>	<b>15</b>
I. NHIỆM VỤ CỦA NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ HỘ	17
II. QUY TRÌNH LẬP BẢNG KÊ HỘ	17
III. HƯỚNG DẪN LẬP BẢNG KÊ HỘ	18
<b>Phần III. HƯỚNG DẪN TẠO TÀI KHOẢN VÀ CẬP NHẬT BẢNG KÊ HỘ TRÊN TRANG ĐIỀU HÀNH TÁC NGHIỆP</b>	<b>25</b>
I. HƯỚNG DẪN TẠO TÀI KHOẢN	27
II. HƯỚNG DẪN CẬP NHẬT BẢNG KÊ HỘ	34
<b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>	<b>41</b>
Phụ lục I. (Phiếu 01/DSGK-BK) BẢNG KÊ HỘ ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024	43
Phụ lục II. BẢNG KÊ HỘ ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024 (CẬP NHẬT WEB)	44
Phụ lục III. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ	45



## CÁC THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu/viết tắt	Giải thích/tên đầy đủ
CAPI	Phòng vấn trực tiếp bằng thiết bị di động (Computer assisted personal interviewing)
ĐBĐT	Địa bàn điều tra
ĐTĐT	Đối tượng điều tra
ĐTV	Điều tra viên thống kê
Điều tra DSGK	Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024
Email	Thư điện tử (Electronic mail)
GSV	Giám sát viên
Hộ	Hộ dân cư
Internet	Hệ thống thông tin toàn cầu được truy cập công cộng gồm các mạng máy tính được liên kết với nhau
NKTTTT	Nhân khẩu thực tế thường trú
TĐT 2019	Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019
Trang Web điều hành	Trang thông tin Hệ thống điều hành tác nghiệp



## Phần I

---

# MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ, PHẠM VI VÀ CÁC KHÁI NIỆM SỬ DỤNG TRONG CÔNG TÁC LẬP BẢNG KÊ HỘ





## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích của công tác lập Bảng kê hộ**

- Lập Bảng kê hộ là công việc quan trọng trong Điều tra DSGK, là cơ sở để chọn hộ và tính quyền số suy rộng của cuộc điều tra.

- Giúp tránh điều tra trùng hoặc bỏ sót trẻ mới sinh, người chết, những hộ mới chuyển đến, chuyển đi thuộc phạm vi ĐBĐT.

- Xác định các trường hợp chuyển đến cả hộ, chuyển đi cả hộ hoặc chết cả hộ, thể hiện trên bảng kê nhằm ước tính đầy đủ các sự kiện biến động dân số trên địa bàn.

### **2. Yêu cầu của công tác lập Bảng kê hộ**

Lập Bảng kê hộ phải bao gồm tất cả các ngôi nhà/căn hộ có người ở và các hộ dân cư thuộc phạm vi ĐBĐT phải được liệt kê trong Bảng kê hộ.

Những nơi không phải là nhà ở mà chỉ là nơi có thể ở như: gắm cầu, lều, lán, trại,... nhưng có người cư trú thường xuyên thuộc phạm vi của ĐBĐT đều phải liệt kê trong Bảng kê hộ.

## **II. ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ, PHẠM VI LẬP BẢNG KÊ HỘ**

### **1. Đối tượng được thực hiện lập Bảng kê hộ**

Đối tượng thực hiện lập Bảng kê hộ bao gồm:

- Các ngôi nhà/căn hộ có người ở và những nơi không phải là nhà nhưng có người ở trong phạm vi các ĐBĐT.

- Các hộ đang cư trú trong các ngôi nhà/căn hộ/nơi ở trong phạm vi các ĐBĐT.

- Các NKTTTT của các hộ trong phạm vi các ĐBĐT.

### **2. Đơn vị, phạm vi, thời điểm lập Bảng kê hộ**

- Đơn vị được thực hiện lập Bảng kê hộ là các hộ dân cư. Bảng kê hộ được thực hiện cho các ĐBĐT được chọn trên phạm vi cả nước.

- Thời điểm lập Bảng kê hộ: Là thời điểm người lập bảng kê đến hộ để thu thập thông tin về Bảng kê hộ.

## **III. MỘT SỐ KHÁI NIỆM**

### **1. Địa bàn điều tra**

ĐBĐT là khu vực dân cư có ranh giới rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng; về cơ bản là các thôn, buôn, xóm, ấp, bản, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, tiểu khu (viết gọn là

thôn). Trong mỗi xã, phường, thị trấn (viết gọn là xã, phường) gồm nhiều ĐBĐT và ranh giới các ĐBĐT ghép lại thành bản đồ của xã, phường.

ĐBĐT trong Điều tra DSGK là địa bàn được xác định trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 và không phải là địa bàn đặc thù.

## **2. Sơ đồ nền xã/phường**

Sơ đồ nền xã/phường là sơ đồ trên đó thể hiện phạm vi, ranh giới của xã, phường; các thôn; các ĐBĐT và một số đặc điểm tự nhiên hoặc nhân tạo như đường, phố, ngõ, hẻm, sông, suối, trường học, cơ quan, nhà máy, đình, đền, miếu...

## **3. Bảng kê hộ**

Bảng kê hộ là bảng danh sách các hộ dân cư và một số thông tin về hộ dân cư trong một ĐBĐT cụ thể, gồm: Thông tin về số thứ tự ngôi nhà/căn hộ nơi ở mà hộ dân cư đó đang cư trú, số thứ tự hộ, địa chỉ, số điện thoại của hộ, tổng số người là NKTTTT tại hộ, số người nước ngoài là NKTTTT tại hộ.

## **4. Hộ dân cư**

Hộ dân cư hay còn gọi là hộ bao gồm một người ăn riêng, ở riêng hoặc một nhóm người ăn chung và ở chung. Đối với hộ có từ 02 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hay không có quỹ thu chi chung; có hoặc không có mối quan hệ ruột thịt, hôn nhân hay nuôi dưỡng; hoặc kết hợp cả hai.

Các quy định về xác định hộ đối với một số trường hợp đặc biệt như sau:

Một người tuy ở chung trong ngôi nhà/căn hộ/nơi ở với một hộ nhưng lại nấu ăn riêng hoặc ăn, ở nơi khác, thì người đó không được coi là thành viên hộ, mà phải tách ra thành một hộ riêng.

Đối với những người ở chung trong một phòng trọ nhưng ăn riêng thì quy ước mỗi phòng trọ là một hộ. Ví dụ: Có 3 công nhân ở chung phòng trọ nhưng ăn riêng thì vẫn tính họ là một hộ.

Một nhóm người tuy ăn chung nhưng lại ngủ riêng ở các ngôi nhà/căn hộ/nơi ở khác nhau, thì nhóm này tạo thành các hộ khác nhau, mỗi nhóm người ngủ ở những ngôi nhà/căn hộ/nơi ở cùng nhau được xác định là một hộ (Ví dụ: Một nhóm gồm 02 người góp tiền nấu cơm ăn chung vào buổi trưa hoặc buổi chiều tối nhưng đến tối ai về nhà người đó ngủ thì tính là hai hộ khác nhau). Trường hợp đặc biệt, khi các trẻ em (hoặc người già) đang phụ thuộc kinh tế vào bố, mẹ (hoặc con) nhưng lại ngủ ở (các) ngôi nhà/căn hộ/nơi ở gần đó (hộ có nhiều nơi ở) thì quy ước coi số trẻ em (hoặc người già) này là thành viên hộ của bố, mẹ (hoặc con) và được điều tra chung vào một hộ.

## 5. Chủ hộ

Chủ hộ là một thành viên trong hộ, am hiểu thông tin của các thành viên khác, được các thành viên khác thừa nhận. Chủ hộ có thể trùng hoặc không trùng với chủ hộ được ghi trong sổ hộ khẩu do ngành Công an cấp.

## 6. Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ

Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ là những người thường xuyên ăn, ở tại hộ (***bao gồm cả những người thuộc lực lượng vũ trang, người có quốc tịch nước ngoài***; không bao gồm những người đang sống trong khu vực quản lý riêng của quân đội và công an).

### 6.1. Những người thuộc 3 trường hợp sau đây được xác định là NKTTTT tại hộ

(i) *Những người thực tế thường xuyên ăn, ở tại hộ từ 06 tháng trở lên tính đến thời điểm lập Bảng kê hộ*, không phân biệt họ có hay không có hộ khẩu thường trú, những người tuy đã có giấy tờ chuyển đi khỏi hộ (giấy gọi nhập ngũ, giấy chiêu sinh, quyết định tuyển dụng, chuyển chuyển công tác,...) nhưng đến thời điểm lập Bảng kê hộ họ vẫn chưa rời khỏi hộ để đến nơi ở mới.

Một số trường hợp đã sống tại hộ từ 06 tháng trở lên tính đến thời điểm lập Bảng kê hộ nhưng **không** được tính là NKTTTT tại hộ, bao gồm:

- Học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ;
- Những người đến thăm, đến chơi; đến nghỉ hè, nghỉ lễ; đến chữa bệnh; đến vì mục đích công tác, đào tạo ngắn hạn dưới 01 năm.

(ii) *Những người mới đến hộ chưa được 06 tháng nhưng xác định sẽ ăn, ở ổn định lâu dài tại hộ, bao gồm:*

- Trẻ em (dưới 06 tháng tuổi) sinh trước thời điểm lập Bảng kê hộ;
- Những người đã rời hẳn nơi ở cũ đến ở ổn định tại hộ, như: về ở nhà chồng/nhà vợ để làm dâu/làm rể, đến ở làm con nuôi; cán bộ, công nhân viên chức, bộ đội, công an nghỉ theo chế độ hưu trí, mất sức đã trở về ở hẳn với gia đình,...;
- Những người đã rời gia đình (nơi ở cũ) dưới 06 tháng tính đến thời điểm điều tra, đến hộ vì mục đích làm ăn và có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động.
- Những quân nhân, công an xuất ngũ, đào ngũ, đào nhiệm (đã có giấy báo của đơn vị hoặc có một căn cứ xác đáng khác) hiện đang cư trú tại hộ;
- Những người đang ăn, ở tạm thời trong hộ nhưng họ không có bất kỳ một nơi

thường trú nào khác.

*Lưu ý:*

- + Những người trên không bao gồm học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ;
- + Những người trên bao gồm các trường hợp đã chuyển cả hộ tới hộ đang phỏng vấn.

*(iii) Những người lâu nay vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng tại thời điểm lập Bảng kê hộ hộ tạm vắng, bao gồm:*

- Những người rời hộ đi làm ăn nơi khác chưa được 06 tháng tính đến thời điểm lập Bảng kê hộ và không có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc không có ý định ở lại lâu dài tại nơi hiện đang đi làm ăn;

- Những người đang chữa bệnh nội trú trong các bệnh viện, cơ sở điều dưỡng (trừ những người đang điều trị tập trung ở các trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần, trại phong, trại cai nghiện,...);

- Những người đang đi chơi/thăm người thân, bạn bè; đi nghỉ hè, nghỉ lễ, du lịch; đi chữa bệnh hoặc đi công tác, đào tạo ngắn hạn trong nước dưới 01 năm;

- Học sinh phổ thông đi trọ học/ở nhờ tại các hộ dân cư khác;

- Những người đi buôn chuyên, đi tàu viễn dương, đi đánh bắt hải sản;

- Những người được cơ quan có thẩm quyền cho phép đi làm việc, công tác, học tập, chữa bệnh, du lịch ở nước ngoài, tính đến thời điểm lập Bảng kê hộ hộ vẫn còn ở nước ngoài trong thời hạn được cấp phép;

- Những người đang bị ngành công an, quân đội tạm giữ, tức là những người bị cơ quan có thẩm quyền bắt giữ trong thời gian 03 ngày và được gia hạn tạm giữ tối đa không quá 02 lần, mỗi lần 03 ngày. Theo luật định, tổng số ngày tạm giữ một người không được quá 09 ngày. Quá thời hạn đó gọi là tạm giam (đã bị Viện Kiểm sát ra lệnh bắt tạm giam).

*Lưu ý:* Ở những huyện biên giới, một số dân tộc ít người có tập quán du canh, du cư hoặc người dân đi lại qua nước khác làm ăn thời vụ dưới 06 tháng rồi lại quay về Việt Nam thì quy ước là NKTTTT tại hộ và đang tạm vắng.

Tất cả các “*nhân khẩu tạm vắng*” đều được tính là NKTTTT tại hộ.

## **6.2. Một số trường hợp đặc biệt trong xác định NKTTTT tại hộ**

- Đối với những người có 02 hoặc nhiều nơi ở: Những người này được xác định là

NKTTTT tại nơi mà họ có thời gian ăn ngủ nhiều hơn (nơi ở chính). Trường hợp thời gian ăn, ngủ ở các nơi bằng nhau thì quy ước ghi ở nơi chính theo câu trả lời của ĐTĐT.

- Đối với những người ăn một nơi, ngủ một nơi: Những người này được xác định là NKTTTT tại nơi mà họ ngủ (ngoại trừ trường hợp trẻ em và người già sống phụ thuộc vào bố mẹ/con).

- Đối với những người chuyển đi cả hộ: Những người này được xác định là NKTTTT tại nơi họ hiện đang cư trú.

- Đối với những người đã rời hộ (nơi ở cũ) đi làm ăn từ 06 tháng trở lên và tại thời điểm lập Bảng kê hộ họ đang ăn, ở thường xuyên tại nơi cư trú hiện tại chưa được 06 tháng: Những người này được xác định là NKTTTT tại nơi họ hiện đang cư trú.

- Đối với những người hiện tại đang sinh sống trên phạm vi ranh giới ở một xã (ví dụ xã A) nhưng về mặt chính quyền lại do một xã khác quản lý (ví dụ xã B, các khoản đóng góp, chế độ chính sách do xã B trả cho người dân...): Những người này sẽ được xác định là NKTTTT tại địa bàn họ đang sinh sống (xã A).

- Đối với những người không có bất kỳ quốc tịch nào, hiện đang cư trú và có ý định ăn, ở lâu dài tại Việt Nam: Những người này được xác định là NKTTTT tại hộ họ đang cư trú.

### ***6.3. Những người không phải là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ***

Các trường hợp sau đây không phải là NKTTTT tại hộ:

*(i) Các trường hợp không sống tại hộ vào thời điểm lập Bảng kê hộ, bao gồm:*

- Những người đã chuyển hẳn khỏi hộ;

- Những người đi làm ăn, ở nơi khác đã được 06 tháng trở lên tính đến thời điểm lập Bảng kê hộ (không kể những người đi đánh bắt hải sản, đi tàu viễn dương, đi buôn chuyển, đi công tác ngắn hạn...);

- Những người đi làm ăn, ở nơi khác chưa được 06 tháng tính đến thời điểm lập Bảng kê hộ và có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc có ý định ở lại lâu dài tại nơi hiện đang đi làm ăn;

- Những người đã cư trú ổn định ở nước ngoài (có hoặc không có giấy xuất cảnh); những người đã ở nước ngoài quá thời hạn quy định;

- Sinh viên đi học xa nhà; học sinh phổ thông đi học tại các trường nội trú;

- Những người bị tạm giam hoặc bắt giữ bởi các cơ quan có chức năng.

*(ii) Các trường hợp đang sống tại hộ vào thời điểm lập Bảng kê hộ, bao gồm:*

- Những người đã rời gia đình (nơi ở cũ) dưới 06 tháng tính đến thời điểm lập Bảng kê hộ, đến hộ vì mục đích làm ăn và không có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động (trừ những người không có bất kỳ một nơi thực tế thường trú nào khác);

- Những người đến thăm, đến chơi; đến nghỉ hè, nghỉ lễ; đến chữa bệnh; đến vì mục đích công tác, đào tạo ngắn hạn dưới 01 năm;

- Học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ;

- Sinh viên đi học xa nhà; học sinh phổ thông đi học tại các trường nội trú về thăm gia đình;

- Người lao động đi làm ăn xa và thỉnh thoảng về thăm nhà vào dịp cuối tuần.

#### **6.4. Nhân khẩu đặc thù**

Trong Điều tra DSGK **không lập bảng kê** nhân khẩu đặc thù là những người sinh sống trên các ĐBĐT đặc thù, gồm:

- Những người sống trong các nhà dưỡng lão, trại trẻ mồ côi, làng trẻ SOS, các trường/lớp học tình thương, trại phong, trung tâm/trường/trại và các cơ sở xã hội khác đóng tập trung trên phạm vi, ranh giới của xã/phường/thị trấn; bệnh nhân sống trong các trại phong, trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng những người tâm thần, những người đang cai nghiện ở các trại cai nghiện ma túy,...;

- Học sinh, sinh viên đang ở tập trung (không kể học sinh phổ thông trọ học/ở nhờ tại các hộ dân cư) trong các trường thanh thiếu niên, trường dân tộc nội trú, trường vừa học vừa làm, trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, trường câm điếc; các tu sỹ trong các tu viện; các nhà sư hoặc tu sỹ sống trong các nhà chùa, nhà chung;

- Những người sống trong các khu nhà ở công nhân trong khuôn viên các công ty, nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp xây dựng cho công nhân ở theo mô hình tập trung, có phân biệt khu vực cư trú dành riêng cho nam và dành riêng cho nữ (mô hình ký túc xá của các trường đại học), những khu nhà này đủ lớn và thường do doanh nghiệp quản lý tập trung, ĐTV khó tiếp cận để điều tra (chủ yếu là những người độc thân và có ban quản lý, bảo vệ quản lý khu vực này) đóng trên phạm vi ranh giới của xã/phường;

- Những người lang thang, cơ nhỡ, không có nhà ở; những người sống bằng nghề trên mặt nước không có nhà trên bờ, không đăng ký bến gốc; những bệnh nhân không nơi nương tựa và không có bất kỳ một nơi thường trú nào khác đang điều trị nội trú trong các bệnh viện.





## Phần II

---

# HƯỚNG DẪN LẬP BẢNG KÊ HỘ



## I. NHIỆM VỤ CỦA NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ HỘ

- Người lập bảng kê phải tham dự đầy đủ lớp tập huấn nghiệp vụ lập Bảng kê hộ và nhận đủ các tài liệu, phương tiện lập bảng kê (mẫu bảng kê, sổ tay hướng dẫn lập bảng kê, bút chì, bút bi, sơ đồ nền của xã/phường,...) trước khi thực hiện lập Bảng kê hộ.

- Người lập bảng kê chịu sự kiểm tra, giám sát của GSV các cấp trong quá trình thực hiện công việc lập Bảng kê hộ. Người lập bảng kê phải giữ gìn, bảo quản cẩn thận sơ đồ nền xã/phường, tài liệu hướng dẫn và các Bảng kê hộ đã hoàn thành để bàn giao các tài liệu này cho cơ quan thống kê khi công tác lập Bảng kê hộ hoàn thành.

- Người lập bảng kê cần nghiên cứu sơ đồ nền xã/phường để nắm thông tin về ĐBĐT do mình phụ trách, bảo đảm thực hiện lập danh sách đầy đủ các hộ đang sinh sống tại ĐBĐT. Người lập bảng kê nên phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng dân phố, người quản lý các nhà chung cư/toà nhà nhiều tầng thuộc ĐBĐT do mình phụ trách để xác định rõ ranh giới của ĐBĐT và xác định đầy đủ các hộ trong ĐBĐT.

- Người lập bảng kê có trách nhiệm tuyên truyền cho các hộ về mục đích, ý nghĩa của cuộc điều tra.

- Khi đến hộ, người lập bảng kê phải giới thiệu với hộ về bản thân và mục đích đến hộ để hộ nắm được thông tin và hợp tác thực hiện.

- Người lập bảng kê phải đến từng hộ để hỏi chủ hộ hoặc người đại diện của hộ về các thông tin trong Bảng kê hộ.

- Khi đến từng hộ, người lập bảng kê phải dựa vào “Khái niệm NKTTTT” được quy định tại Mục III.6 Phần I và “Quy trình phỏng vấn xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ” được quy định tại Phụ lục III để xác định số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ một cách chính xác.

- Đối với các hộ mà toàn bộ thành viên hộ là người nước ngoài và khó tiếp cận hộ, người lập bảng kê hỏi các thông tin thông qua tổ trưởng/trưởng thôn/hàng xóm... để nắm được thông tin nhằm phục vụ công tác lập Bảng kê hộ.

## II. QUY TRÌNH LẬP BẢNG KÊ HỘ

Bảng kê hộ thu thập các thông tin về hộ theo mẫu Phiếu 01/DSGK-BK tại Phụ lục I.

Quy trình thực hiện lập Bảng kê hộ thực hiện theo các bước sau:

**Bước 1:** Nhận bàn giao ĐBĐT và sơ đồ nền xã/phường từ cơ quan thống kê; xác định đúng phạm vi của ĐBĐT trên sơ đồ và trên thực tế.

**Bước 2:** Khảo sát thực địa để nắm rõ về ranh giới và phạm vi của ĐBĐT đã được giao phụ trách thực hiện thu thập thông tin trên Phiếu Bảng kê hộ trên thực tế; đối chiếu thông tin với sơ đồ nền xã/phường.

**Bước 3:** Đến các ngôi nhà/căn hộ/nơi ở trong ĐBĐT để xác định các hộ dân cư và NKTTTT trong các hộ. Đến các ngôi nhà/căn hộ/nơi ở theo nguyên tắc sau:

Bắt đầu đi từ đầu hoặc cuối ĐBĐT: Đến từng ngôi nhà/căn hộ/nơi ở theo tuần tự từ ngôi nhà/căn hộ/nơi ở đầu tiên đến cuối cùng; không bỏ sót ngôi nhà/căn hộ/nơi ở nào trong phạm vi ĐBĐT được giao phụ trách kể cả những ngôi nhà có vẻ như không có người ở để xác định có người cư trú trong đó không. Đối với nhà chung cư, phải đi lần lượt từng cầu thang, vào từng căn hộ của mỗi tầng, từ tầng 1 (trệt) lên đến tầng cao nhất.

**Bước 4:** Tại mỗi ngôi nhà/căn hộ/nơi ở mà người lập bảng kê đến, người lập bảng kê gặp chủ hộ hoặc người am hiểu các thông tin về hộ để hỏi, xác định thông tin và ghi chép thông tin vào Phiếu 01/DSGK-BK.

**Bước 5:** Người lập Bảng kê hộ kiểm tra, hoàn thiện và ký, ghi rõ họ tên vào Bảng kê hộ và bàn giao Bảng kê hộ cho cơ quan thống kê.

### III. HƯỚNG DẪN LẬP BẢNG KÊ HỘ

Bảng kê hộ Điều tra DSGK gồm các thông tin: Thông tin định danh, Thông tin Bảng kê hộ theo mẫu Phiếu 01/DSGK-BK tại Phụ lục I. Cách hỏi và ghi thông tin cụ thể như sau:

#### 1. Phần 1. Thông tin định danh

Trước khi đến ĐBĐT, người lập bảng kê kiểm tra và ghi đầy đủ các thông tin về ĐBĐT vào phần định danh. Các thông tin này do cơ quan thống kê cung cấp. Cách ghi như sau:

- Tỉnh/thành phố: Ghi tên tỉnh/thành phố vào dòng kẻ liền và mã tỉnh/thành phố vào ô mã theo quy tắc ghi đủ 2 ký tự. Trường hợp mã tỉnh/thành phố không đủ 2 ký tự/thiếu ký tự như quy định thì ghi bổ sung (các) số 0 vào (các) ô mã bên trái.

Ví dụ: Nếu mã tỉnh theo quy định là 1 thì ghi 01.

- Huyện/quận: Ghi tên huyện/quận vào dòng kẻ liền và mã huyện/quận vào ô mã theo quy tắc ghi đủ 3 ký tự. Trường hợp mã huyện/quận không đủ 3 ký tự/thiếu ký tự như quy định thì ghi bổ sung (các) số 0 vào (các) ô mã bên trái.

Ví dụ: Nếu mã huyện/quận theo quy định là 1 thì ghi 001.

- Xã/phường: Ghi tên xã/phường vào dòng kẻ liền và mã xã/phường vào ô mã theo quy tắc ghi đủ 5 ký tự. Trường hợp mã xã/phường không đủ 5 ký tự/thiếu ký tự như quy định thì ghi bổ sung (các) số 0 vào (các) ô mã bên trái.

Ví dụ: Nếu mã xã/phường theo quy định là 593 thì ghi 00593.

- Địa bàn điều tra: Ghi tên ĐBĐT vào dòng kẻ liền và mã ĐBĐT theo quy tắc ghi đủ 3 ký tự. Trường hợp mã ĐBĐT không đủ 3 ký tự/thiếu ký tự như quy định thì ghi bổ sung (các) số 0 vào (các) ô mã bên trái.

Ví dụ: Nếu mã ĐBĐT theo quy định là 14 thì ghi 014.

- Thành thị/nông thôn (TTNT): Nếu địa bàn thuộc thành thị, ghi số 1 vào ô mã; nếu địa bàn thuộc nông thôn, ghi số 2 vào ô mã.

- IDDB TDT 2019: Giữ nguyên mã IDDB TDT 2019 để phục vụ công tác kiểm soát trùng mã địa bàn (nếu có). Ghi IDDB TDT 2019 theo đúng Công văn số 2169/TCTK-TTDL ngày 27/11/2023 về việc hướng dẫn rà soát địa bàn Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024.

- Người lập bảng kê và số điện thoại: Ghi họ và tên người lập bảng kê và số điện thoại vào dòng kẻ liền.

## **2. Phần 2. Thông tin của Bảng kê hộ**

- **Cột A “STT nhà”**: Ghi số thứ tự ngôi nhà/căn hộ/nơi ở do người lập bảng kê đánh số thứ tự vào cột A.

Đánh số thứ tự các ngôi nhà/căn hộ từ số thứ tự nhỏ đến số thứ tự lớn theo tuần tự từ số 1 cho ngôi nhà/căn hộ có người ở đầu tiên đến số cuối cùng cho ngôi nhà/căn hộ cuối cùng có người ở của ĐBĐT. Đối với những nơi không phải là nhà nhưng có người cư trú thường xuyên (nơi ở) thì đánh số thứ tự theo trật tự: A1; A2; A3;...

Trường hợp những ngôi nhà và những nơi không phải là nhà nhưng có người ở (nơi ở) theo vị trí địa lý xen kẽ nhau thì số thứ tự nhà được đánh xen lẫn theo đúng trật tự địa lý.

Ví dụ: Số thứ tự nhà trong Bảng kê hộ có thể sẽ là 1, 2, A1, 3, 4, A2, 5,...

Trường hợp trong quá trình lập bảng kê, người lập bảng kê phát hiện đã sót ngôi nhà/căn hộ có người ở thì số thứ tự nhà là số thứ tự nhà liền kề phía trước nhà bị sót thêm ký tự “.1”, “.2”,...

Ví dụ: Trong quá trình lập bảng kê, người lập bảng kê phát hiện giữa ngôi nhà số 3 và số 4 còn một ngôi nhà có người ở bị bỏ sót, số thứ tự nhà của hộ đó là 3.1.

Trường hợp khi người lập bảng kê đến ngôi nhà/căn hộ/nơi ở nhưng không có ai ở nhà (vắng nhà) thì người lập bảng kê ghi số thứ tự nhà vào Bảng kê hộ, các thông tin khác để trống (để hỏi và ghi thông tin sau).

**Quy ước:** Đối với những khu nhà trọ có nhiều dãy phòng trọ, quy ước mỗi dãy phòng trọ có cùng số thứ tự nhà, mỗi phòng trọ sẽ là 1 hộ (các hộ trong dãy phòng trọ này có cùng số thứ tự nhà).

- **Cột B “STT hộ”:** Người lập bảng kê xác định số hộ trong từng ngôi nhà/căn hộ/nơi ở để ghi thông tin vào cột B.

Đánh số thứ tự hộ từ số thứ tự nhỏ đến số thứ tự lớn theo tuần tự từ số **001** cho hộ đầu tiên đến hộ số cuối cùng của ĐBĐT.

*Lưu ý:* Số thứ tự hộ có thể trùng hoặc không trùng với số thứ tự ngôi nhà/căn hộ/nơi ở. Trường hợp nhiều hộ cùng cư trú trong một ngôi nhà/căn hộ/nơi ở thì các hộ đó sẽ có cùng số thứ tự nhà, còn số thứ tự hộ sẽ là số liên tiếp trong Bảng kê hộ.

- **Cột C “Họ và tên chủ hộ”:** Người lập bảng kê hỏi để ghi họ và tên chủ hộ vào cột C.

Chủ hộ ghi ở Bảng kê hộ có thể trùng nhưng cũng có thể khác với chủ hộ ghi trong sổ hộ khẩu. Những hộ chỉ gồm các cháu nhỏ, thì chủ hộ là cháu nhiều tuổi nhất (Ví dụ: Trường hợp bố mẹ sống cùng hộ nhưng là người thuộc biên chế ngành Quân đội, Công an sống trong doanh trại).

- **Cột D “Địa chỉ của hộ”:** Người lập bảng kê hỏi và ghi địa chỉ của hộ bao gồm: Số nhà, đường phố, ngõ, hẻm, tên thôn, xóm, ấp, bản,... Trường hợp ngôi nhà/căn hộ/nơi ở không có địa chỉ rõ ràng (không thuộc phạm vi của tổ, xóm, ấp nào) thì người lập bảng kê mô tả rõ vị trí chi tiết của ngôi nhà/căn hộ/nơi ở đó. Ví dụ: Phía trước trường học Y, gần cửa hàng tạp hóa X, cạnh sông/kênh/rạch,...

- **Cột E “Số ĐT của hộ”:** Người lập bảng kê hỏi để ghi số điện thoại của hộ vào cột E.

- **Cột 1 “Tổng số”:** Người lập bảng kê sử dụng Quy trình phỏng vấn xác định NKTTTT tại hộ áp dụng cho công tác lập Bảng kê hộ quy định tại Phụ lục III và hướng dẫn xác định NKTTTT tại Mục III.6 Phần I để hỏi và xác định số NKTTTT tại hộ và ghi tổng số người là NKTTTT vào cột 1.

- **Cột 2 “Trong đó: Số người nước ngoài”:** Người lập bảng kê hỏi số người nước ngoài trong số những người là NKTTTT tại hộ và ghi thông tin vào cột 2.

- **Cột 3 “Ghi chú”:** Người lập bảng kê ghi các ghi chú cần thiết khác (nếu cần).

Sau khi hoàn thành việc ghi thông tin của hộ cuối cùng trong ĐBĐT, người lập bảng kê ghi kết quả “Tổng số hộ của địa bàn” vào dòng cuối cùng của Bảng kê hộ theo đúng mẫu Phiếu 01/DSGK-BK tại Phụ lục I.

### **3. Phần 3. Một số lưu ý và ví dụ minh họa**

- Trong quá trình lập bảng kê, người lập bảng kê đến các cơ quan, đơn vị đóng trên ĐBĐT xem trong khuôn viên có hộ nào, cá nhân nào đang cư trú hay không. Nếu có, người lập bảng kê phải lập danh sách những hộ sống trong khuôn viên cơ quan đó vào Bảng kê hộ của ĐBĐT do mình phụ trách; cách đánh “STT nhà” như đánh số thứ tự nhà có người ở được quy định tại mục 2, Phần II; Đồng thời tại Cột 3 ghi rõ tên cơ quan, đơn vị.

- Trường hợp khi người lập bảng kê đến ngôi nhà/căn hộ/nơi ở nhưng không có ai ở nhà (vắng nhà) và đã ghi số thứ tự nhà và số thứ tự hộ vào Bảng kê hộ, các thông tin khác để trống. Trong lần đến ngôi nhà/căn hộ/nơi ở này tiếp theo, người lập bảng kê hỏi và ghi các thông tin còn lại của hộ vào Bảng kê hộ như hướng dẫn tại mục 2, Phần II. Nếu phát hiện trong ngôi nhà/căn hộ/nơi ở này có nhiều hộ đang sinh sống thì ghi thông tin các hộ còn lại vào dòng cuối cùng của Bảng kê hộ. Trong đó, số thứ tự nhà là số thứ tự của hộ chung nhà (phía trên); số thứ tự hộ là số thứ tự tiếp theo của hộ cuối cùng trong Bảng kê hộ, đồng thời ở phần ghi chú ghi rõ “hộ này ở trong cùng ngôi nhà với hộ ...” vào cột 3.

Ví dụ 1: Người lập bảng kê đến nhà số 21 nhưng cả nhà đi vắng (khóa cửa), người lập bảng kê ghi số thứ tự nhà cho nhà 21 vào bảng kê, ghi số thứ tự hộ là số thứ tự hộ tiếp theo hộ ở phía trước và bỏ trống thông tin còn lại và tiếp tục lập bảng kê cho các hộ tiếp theo. Trong lần quay lại nhà số 21, người lập bảng kê xác định có 2 hộ đang cư trú tại nhà này. Khi đó, người lập bảng kê sẽ ghi thông tin như sau: Ghi thông tin hộ 1 vào dòng đã để trống (số thứ tự nhà sẽ là 21, số thứ tự hộ sẽ là số thứ tự tiếp theo của hộ phía trước). Hộ thứ 2 sẽ được ghi ở dòng cuối trong Bảng kê hộ (số thứ tự nhà sẽ ghi là 21, số thứ tự hộ sẽ ghi số thứ tự tiếp theo của hộ cuối cùng trong Bảng kê hộ); đồng thời ghi chú vào cột 3 của dòng này (dòng có hộ thứ 2).

- Trường hợp khi lập bảng kê, nếu người lập bảng kê phát hiện đã lập sót ngôi nhà/căn hộ có người ở thì cần bổ sung vào danh sách Bảng kê hộ như sau: Thông tin về (các) hộ trong ngôi nhà/căn hộ bị sót sẽ được ghi vào cuối danh sách Bảng kê hộ với số thứ tự nhà là số thứ tự nhà liền kề phía trước nhà bị sót thêm ký tự “.1”, “.2”,...; số thứ tự hộ là số thứ tự tiếp theo của hộ cuối cùng trong Bảng kê hộ.

Ví dụ 2: Sau khi kết thúc lập bảng kê, người lập bảng kê phát hiện giữa ngôi nhà số 3 và số 4 còn một ngôi nhà có người ở bị bỏ sót, người lập bảng kê bổ sung thông tin (các) hộ sống trong ngôi nhà này vào cuối danh sách như sau: Số thứ tự nhà là 3.1; Số thứ tự hộ là số thứ tự tiếp theo của hộ cuối cùng trong Bảng kê hộ.

- Trường hợp lập bảng kê đối với những khu nhà trọ có nhiều dãy phòng trọ: Mỗi dãy phòng trọ có cùng số thứ tự nhà, mỗi phòng trọ sẽ là 1 hộ (các hộ trong dãy phòng trọ này có cùng số thứ tự nhà).

Ví dụ 3: Nhà ông Nguyễn Văn A ở Khu công nghiệp Sóng Thần, tỉnh Bình Dương có 1 dãy phòng trọ 10 phòng. Cách lập Bảng kê hộ của dãy phòng trọ trong ĐBĐT như Bảng 1 dưới đây:

**Bảng 1: Cách lập bảng kê cho dãy phòng trọ**

STT nhà	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Số ĐT của hộ	Số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ khi lập bảng kê		Ghi chú
					Tổng số	Trong đó: Số người nước ngoài	
A	B	C	D	E	1	2	3
5		.....	.....	.....			
5	007	Nguyễn Văn A	Số nhà 10, KCN Sóng Thần	0943xxx			
5	008	Nguyễn Thị Duyên	Phòng 1, dãy nhà trọ nhà số 10, KCN Sóng Thần				
5	009	Trần Tuấn Kiệt	Phòng 2, dãy nhà trọ nhà số 10, KCN Sóng Thần	0912xxx			
		.....	.....	.....			
		.....	.....	.....			
5	015	Nguyễn Thị Sương	Phòng 10, dãy nhà trọ nhà số 10, KCN Sóng Thần	0912xxx			

Ví dụ 4: Nhà chung cư CT1 - Mỹ Đình, có 20 tầng, mỗi tầng có 8 căn hộ, mỗi căn hộ chỉ có một hộ cư trú. Tầng 1: từ căn hộ 101 đến 108; tầng 2: từ căn hộ 201 đến 208; tầng 3: từ căn hộ 301 đến 308; tầng 4: từ căn hộ 401 đến 408... và tầng 20: từ căn hộ 2001 đến 2008, cách ghi vào Bảng kê hộ của nhà chung cư như Bảng 2 dưới đây:



**Bảng 2: Cách lập bảng kê cho khu nhà chung cư**

STT nhà	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Số ĐT của hộ	Số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ khi lập bảng kê		Ghi chú
					Tổng số	Trong đó: Số người nước ngoài	
A	B	C	D	E	1	2	3
1	001	Lê Văn Sĩ	Phòng 101, CT1, Mỹ Đình	0912xxx			
2	002	Nguyễn Thị Sang	Phòng 102, CT1, Mỹ Đình	0912xxx			
		.....	.....	.....			
50	050	Trần Tuấn Hải	Phòng 307, CT1, Mỹ Đình				
		.....	.....	.....			
		.....	.....	.....			
100	100	Nguyễn Thị Sang	Phòng 508, CT1, Mỹ Đình	0912xxx			

Ví dụ 5: Giả sử, ở ví dụ 5, căn hộ 101 có hai hộ ở chung nhưng ăn riêng: Hộ của vợ chồng ông Lê Văn Sĩ (bố mẹ) có số thứ tự là 1 và hộ của vợ chồng anh Lê Tuấn Hưng (con trai, con dâu, cháu nội ông Sĩ), thì số thứ tự hộ của vợ chồng anh Lê Tuấn Hưng là 2, số thứ tự của các hộ tiếp theo là 3, 4... Cách lập Bảng kê hộ trong trường hợp này như Bảng 3 dưới đây:

**Bảng 3: Cách lập bảng kê cho căn hộ có nhiều hộ đang cư trú**

STT nhà	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Số ĐT của hộ	Số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ khi lập bảng kê		Ghi chú
					Tổng số	Trong đó: Số người nước ngoài	
A	B	C	D	E	1	2	3
1	001	Lê Văn Sĩ	Phòng 101, CT1, Mỹ Đình	0912xxx			
1	002	Lê Tuấn Hưng	Phòng 101, CT1, Mỹ Đình	0965xxx			
		.....	.....	.....			
		.....	.....	.....			
		.....	.....	.....			



## **Phần III**

---

# **HƯỚNG DẪN TẠO TÀI KHOẢN VÀ CẬP NHẬT BẢNG KÊ HỘ TRÊN TRANG ĐIỀU HÀNH TÁC NGHIỆP**



## I. HƯỚNG DẪN TẠO TÀI KHOẢN

Địa chỉ truy cập vào trang web: **dansogiuaky.gso.gov.vn**

Sau khi nhập vào địa chỉ trang web, màn hình đăng nhập hiện ra như sau:



Sử dụng tài khoản **quản trị tỉnh** nhập vào tài khoản và mật khẩu đã được cung cấp để đăng nhập vào trang web bằng 1 trong 2 cách sau:

**Cách 1:** Đăng nhập bằng tài khoản quản trị tỉnh được tạo sẵn trong hệ thống là **GSTxx001**.

Trong đó: xx là mã tỉnh. Mật khẩu mặc định là **Dsgk2024@**.

*Lưu ý:* Đổi mật khẩu mặc định khi đăng nhập xong.

**Cách 2:** Đăng nhập bằng tài khoản AD (**mail gso**).

Sau đó tài khoản quản trị cấp tỉnh dùng tài khoản này để import, tạo mới và phân quyền cho các Giám sát viên cấp tỉnh khác, các Giám sát viên cấp huyện và Điều tra viên. Sau khi tài khoản mới được tạo, người dùng dùng chức năng đổi mật khẩu để bảo đảm tính bảo mật và an toàn cho hệ thống.

Sau khi đăng nhập thành công, giao diện chính sẽ hiện ra như sau:



## 1. Tạo danh sách người dùng và cập nhật (Import) danh sách người dùng vào hệ thống

Quản trị cấp trung ương (TW) có quyền tạo danh sách người dùng đối với tất cả Giám sát viên cấp TW, Quản trị và Giám sát viên cấp tỉnh, huyện và Điều tra viên.

Quản trị cấp tỉnh có quyền import danh sách người dùng cấp tỉnh, cấp huyện và điều tra viên.

Mẫu danh sách người dùng như sau:

Stt	HoTen	MaQuyen	MaTinh	MaHuyen	Dienthoai	Email
1	Nguyễn Đức Dương	1	99	991	988888888	abc@abc.com.vn
2	Trịnh Thị Liễu	1	99	991		
3	Đoàn Văn Dũng	1	99	991		
4	Trịnh Hoài Phương	1	99	991		
5	Nguyễn Đức Dương	0	99	991	988888888	abc@abc.com.vn
6	Trịnh Thị Liễu	0	99	991		
7	Đoàn Văn Dũng	0	99	991		
8	Trịnh Hoài Phương	0	99	991		
9	Tài Văn Hưng	2	99		988888888	abc@gso.gov.vn
10	Tài Kim Vinh	2	99			
11	Vương Văn Lâm	2	99			
12	Lũ Sào Chấn	2	99			
13	Vàng Văn Thịnh	2	99			
14	Thần Seo Kinh	2	99			
15	Sai Sào Mìn	3	99		988888888	abc@gso.gov.vn
16	Thần Văn Tinh	3	99			
17	Tài Sào Bình	3	99			
18	Võ Thị Kim Diệu	3	99			
19	Đình Tân Lực	3	99			
20	Nguyễn Thị Hoài	3	99			
21	Lâm Văn Khang	3	99			
22	Mai Văn Lương	3	99			

Cột 1: Số thứ tự (Chương trình tự tạo Tài khoản tương ứng mã quyền và số thứ tự. Ví dụ: Stt = 2, MaQuyen = 1, MaTinh = xx thì tài khoản: DTVxx002)

Cột 2: Nhập họ tên (định dạng text)

Cột 3: Mã quyền; (DTV: 1; GSH: 2; QTH: 4; GST: 3; GSV:5)

Cột 4: Mã tỉnh, nhập đủ 2 ký tự (định dạng text)

Cột 5: Nhập mã huyện đối với người dùng là Điều tra viên

Cột 6: Nhập điện thoại nếu có

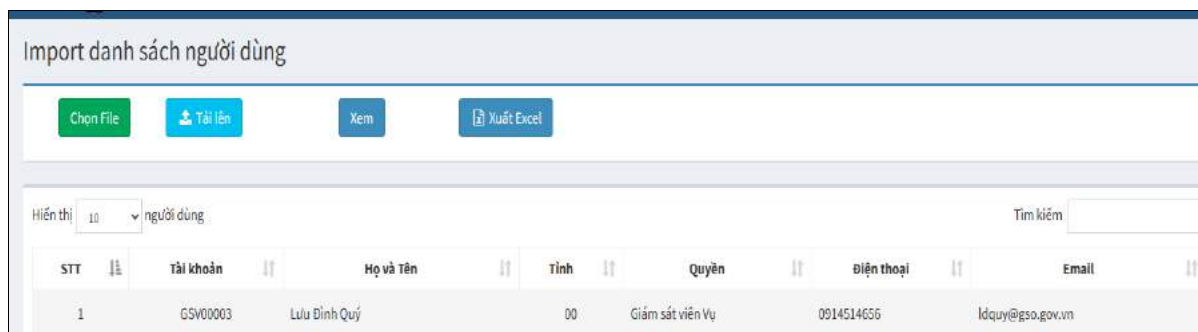
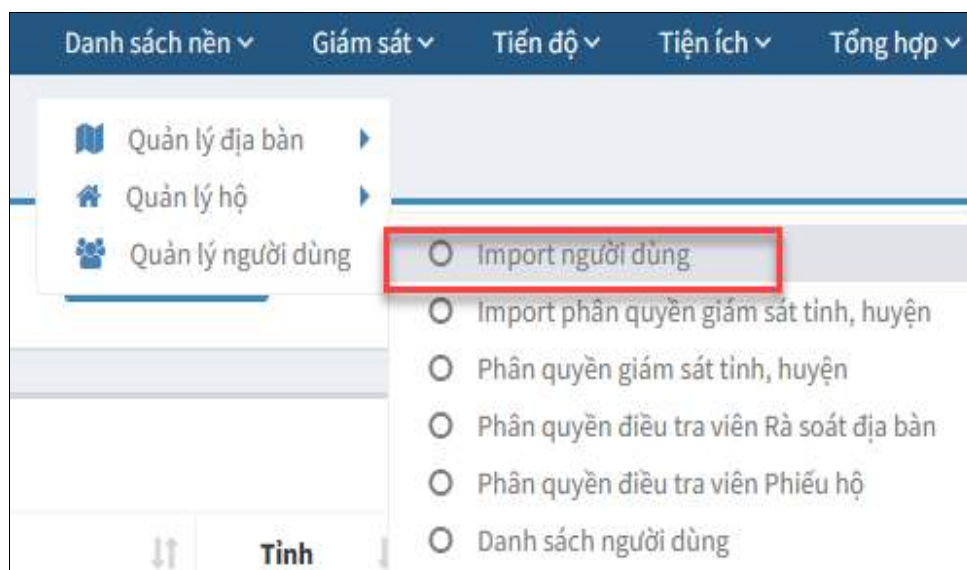
Cột 7: Nhập địa chỉ email nếu có

Trường hợp đăng nhập tài khoản AD phải có Email: \_\_@gso.gov.vn

Quy tắc đặt tên cho người dùng các cấp:

Quyền giám sát	Tài khoản	Giải thích
Giám sát viên cấp cục (cấp TW)	GSV00001	3 ký tự đầu: Do chương trình quy định (tùy thuộc theo quyền). 2 ký tự tiếp theo: Là mã tỉnh; giám sát cục có mã tỉnh là 00. 3 ký tự cuối: Số thứ tự (là duy nhất trong 1 quyền). <i>Lưu ý:</i> Riêng Giám sát viên cấp tỉnh sau Mã tỉnh sẽ quy định đánh số thứ tự từ 003 trở đi.
Quản trị cấp tỉnh	GSTxx001 GSTxx002	
Giám sát viên cấp tỉnh	GSTxx003...	
Quản trị cấp huyện	QTH10001	
Giám sát viên cấp huyện	GSH10001	
Điều tra viên CAPI	DTV10001	

Giao diện của chức năng này như sau:



Chọn file cần import, rồi nhấn nút Tải lên, sau đó nhấn nút Xem để kiểm tra danh sách người dùng mới import vào. Nhấn nút **Xuất excel** để xuất Danh sách người dùng ra tập tin excel.

## 2. Danh sách người dùng

Tùy theo quyền mà người dùng được vào cập nhật danh sách người dùng. Giám sát viên cấp tỉnh sẽ có quyền tạo mới, sửa, xóa cho Giám sát viên cấp tỉnh, Giám sát viên cấp huyện, Điều tra viên.













Giám sát viên cấp trung ương sẽ cập nhật danh sách người dùng cùng cấp.

Danh sách người sử dụng


Tỉnh: 99 - Tỉnh test chương trình Quyền: Điều tra viên

Xem + Thêm + Thêm AD

Hiển thị 10 người dùng Tìm kiếm

	Tài khoản	Họ và Tên	Tỉnh	Quyền	Điện thoại	Email
 	DTV99001	Nguyễn Đức Dương	99	Điều tra viên	988888888	abc@abc.com
 	DTV99002	Trịnh Thị Liễu	99	Điều tra viên		
 	DTV99003	Đoàn Văn Dũng	99	Điều tra viên		
 	DTV99004	Trịnh Hoài Phương	99	Điều tra viên		
 	DTV99005	Hoàng Biên Thùy	99	Điều tra viên		
 	DTV99006	Tạ Đức Long	99	Điều tra viên		

Để thêm mới 1 tài khoản, người dùng click chọn vào nút **+ Thêm**

 Thêm mới tài khoản

**Họ Tên**


**Điện thoại**

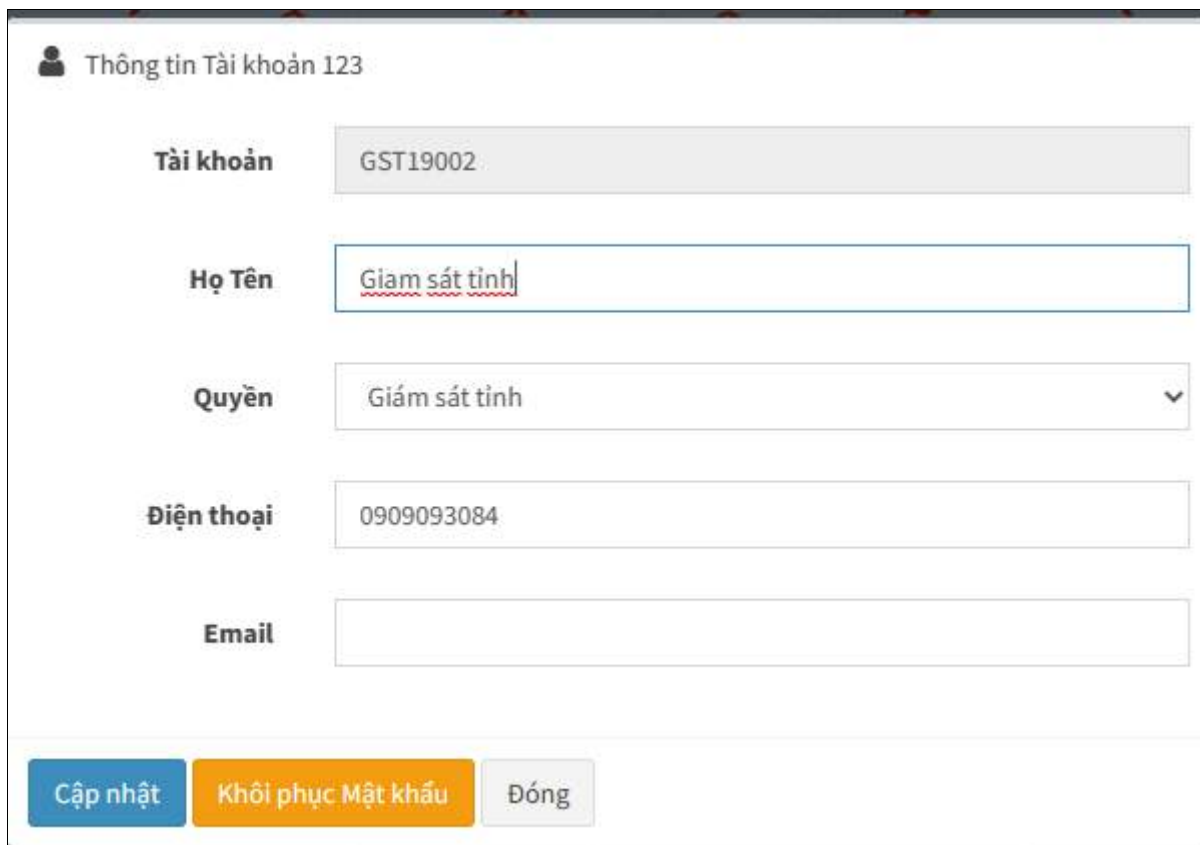
**Email**

**Lưu** **Đóng**



Người dùng nhập thông tin về tài khoản như: Họ tên, điện thoại, email rồi “**Lưu**”. Tài khoản mới sẽ được thêm vào cuối danh sách hiện tại.

Muốn sửa thông tin cho 1 tài khoản đã có người dùng click chọn vào nút  của dòng có tài khoản muốn sửa.



Thông tin Tài khoản 123


Tài khoản	GST19002
Họ Tên	Giám sát tỉnh
Quyền	Giám sát tỉnh
Điện thoại	0909093084
Email	

**Cập nhật** **Khôi phục Mật khẩu** **Đóng**

Sau khi nhập thông tin cần sửa xong, người dùng click vào nút “**Cập nhật**” để lưu thông tin. Người dùng cũng có thể khôi phục mật khẩu mặc định cho tài khoản này bằng cách click vào nút “**Khôi phục mật khẩu**”.

Mật khẩu mặc định **Giám sát** là: **Dsgk2024@**.

Mật khẩu mặc định **Điều tra viên** là: **123a@**.

Muốn xóa tài khoản nào, người dùng click vào nút  của dòng có tài khoản cần xóa.

*Lưu ý:* Sau khi xóa, sửa, thêm mới người dùng, nhấn nút Xem để cập nhật thông tin thay đổi trên Danh sách người dùng.

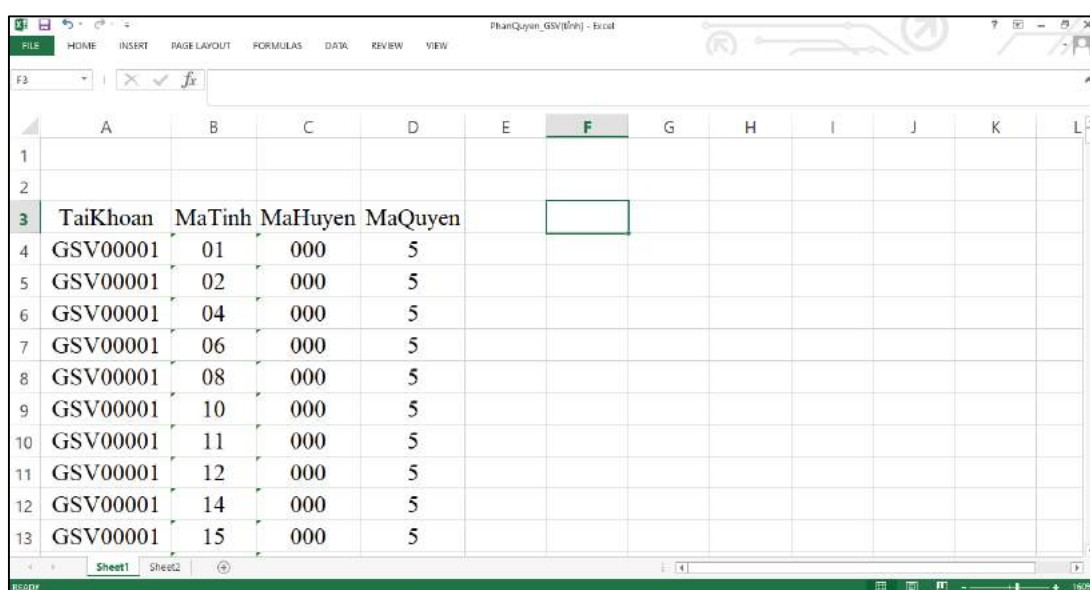
### 3. Import phân quyền Giám sát viên cấp tỉnh, Quản trị cấp huyện và Giám sát viên cấp huyện

Quản trị cấp trung ương sẽ có quyền import danh sách phân quyền cho Giám sát viên cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện.

Quản trị cấp tỉnh sẽ có quyền import danh sách phân quyền cho Giám sát viên cấp tỉnh, Quản trị cấp huyện, Giám sát viên cấp huyện.

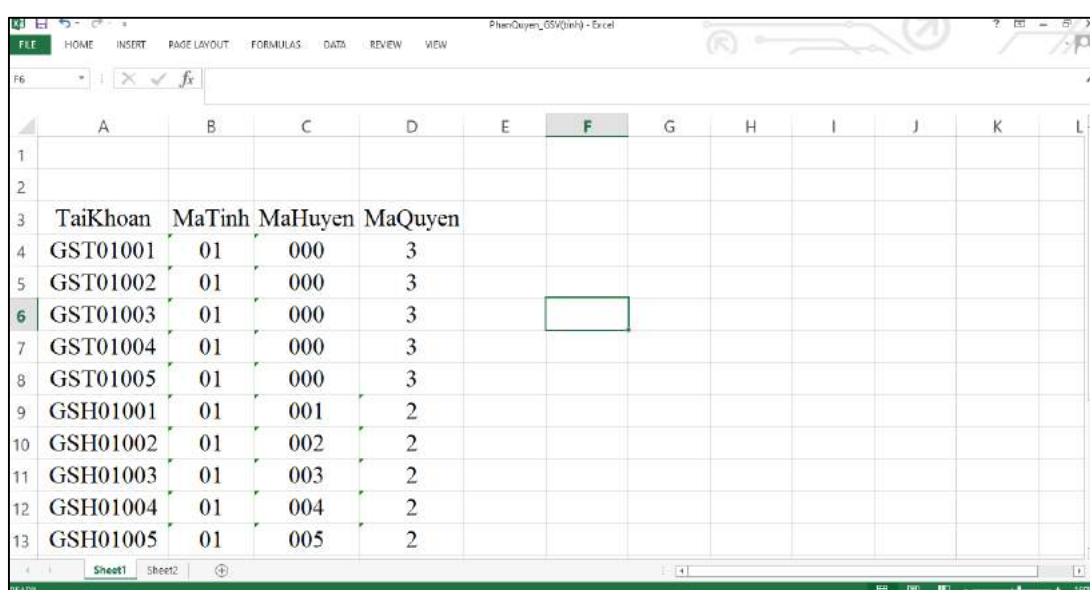
Mẫu danh sách phân quyền giám sát viên như sau:

- Đối với Giám sát viên cấp TW:



	TaiKhoan	MaTinh	MaHuyen	MaQuyen
4	GSV00001	01	000	5
5	GSV00001	02	000	5
6	GSV00001	04	000	5
7	GSV00001	06	000	5
8	GSV00001	08	000	5
9	GSV00001	10	000	5
10	GSV00001	11	000	5
11	GSV00001	12	000	5
12	GSV00001	14	000	5
13	GSV00001	15	000	5

- Đối với Giám sát viên cấp tỉnh:



	TaiKhoan	MaTinh	MaHuyen	MaQuyen
4	GST01001	01	000	3
5	GST01002	01	000	3
6	GST01003	01	000	3
7	GST01004	01	000	3
8	GST01005	01	000	3
9	GSH01001	01	001	2
10	GSH01002	01	002	2
11	GSH01003	01	003	2
12	GSH01004	01	004	2
13	GSH01005	01	005	2

Cột 1: Tài khoản của Giám sát viên

Cột 2: Mã tỉnh, nhập đủ 2 ký tự (định dạng text)

Cột 3: Mã huyện, nhập đủ 3 ký tự (định dạng text)

Cột 4: Mã quyền; (GSH: 2; QTH: 4; GST: 3;)

#### 4. Phân quyền Giám sát viên

Giám sát viên cấp TW và cấp tỉnh dùng chức năng này để cập nhật lại phân quyền giám sát.

Tỉnh	Huyện	Tài khoản	Họ tên
99	991	GSH99002	Tài Kim Vinh
99	991	GSH99003	Vương Văn Lâm
99	991	GSH99004	Lú Sào Chấn
99	991	GSH99005	Vàng Văn Thịnh
99	991	GSH99006	Thần Seo Kinh
99	999	GSH99006	Thần Seo Kinh
99	991	GSH99007	Thần Văn Lương
99	991	GSH99008	Lú Văn Phương
99	991	GSH99009	Sái Đin Trường

Người dùng có thể thêm mới hoặc xóa phân quyền giám sát của cấp ngang quyền hoặc cấp thấp hơn.

#### 5. Phân quyền Giám sát viên cấp huyện rà soát

Quản trị cấp tỉnh/huyện dùng chức năng này để cập nhật phân quyền cho Giám sát viên cấp huyện import danh sách hộ theo địa bàn phân quyền.

Chọn tỉnh/huyện/xã, tài khoản Giám sát viên cấp huyện để phân quyền và thêm mới hoặc xóa phân quyền địa bàn cho tài khoản GSH bằng cách tích chọn 1 huyện hoặc tất cả huyện. Sau đó bấm nút **“Lưu”** để lưu lại thông tin đã phân quyền:

**ĐIỀU TRA DÂN SỐ GIỮA KỲ 2024**

Cập nhật Phân quyền Điều tra viên Rà soát địa bàn

Tỉnh: 99 - Tỉnh test chương trình  
 Huyện: 991 - Huyện 991  
 Xã: Tất cả  
 Giám sát huyện: CSH99001 - Tài Văn Hương

Hiện thị: 30 địa bàn

<input type="checkbox"/>	Tài khoản	Họ tên	IDDS DTV	Mã tỉnh	Mã huyện	Mã xã	Mã địa bàn	Tên địa bàn
<input type="checkbox"/>				99	991	99991	047	TỔ 19.49
<input type="checkbox"/>				99	991	99991	062	TỔ 27.28
<input type="checkbox"/>				99	991	99991	072	TỔ 27.28 thay



**ĐIỀU TRA THÍ**

thidiemdanso.gso.gov.vn says  
 Thêm tài khoản mới thành công!

Cập nhật Phân quyền Điều tra viên Rà soát địa bàn

Tỉnh: 19 - Tỉnh Thái Nguyên  
 Huyện: 164 - Thành phố Thái Nguyên  
 Xã: Tất cả  
 Tài khoản ĐTV: DTV19001 - Hoàng Thị Thu Hà

Hiện thị: 30 địa bàn

<input type="checkbox"/>	Tài khoản	Họ tên	Mã tỉnh	Mã huyện	Mã xã	Mã địa bàn	Tên địa bàn
<input checked="" type="checkbox"/>	DTV19001	Hoàng Thị Thu Hà	19	164	05482	001	TỔ 1
<input checked="" type="checkbox"/>			19	164	05482	002	TỔ 2

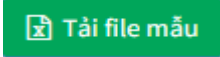
*Lưu ý:* Trường hợp muốn xoá phân quyền tài khoản bỏ check .

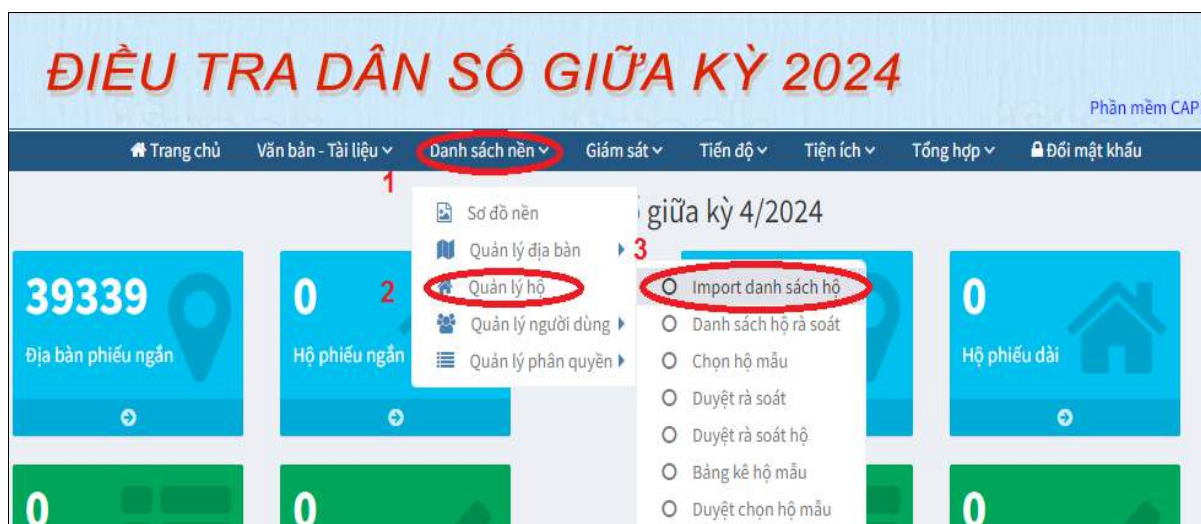
## II. HƯỚNG DẪN CẬP NHẬT BẢNG KÊ HỘ

Chức năng này do Quản trị cấp tỉnh GSTxx001, Quản trị cấp huyện QTHxx001 thực hiện.

*Lưu ý:* Sử dụng chức năng phân quyền Giám sát viên cấp huyện rà soát để phân quyền địa bàn cho Giám sát viên cấp huyện thực hiện việc import địa bàn điều tra được phân công.

Bảng kê hộ dùng để cập nhật lên Trang điều hành tác nghiệp Điều tra DSGK được quy định tại Phụ lục II. Việc thực hiện cập nhật Bảng kê hộ được thực hiện như sau:

**Bước 1:** Thực hiện tải file mẫu bằng cách: Chọn menu “**Danh sách nền**”, chọn “**Quản lý hộ**”, chọn “**Import danh sách hộ**” và chọn “**Tải file mẫu**”  như sau:



**Bước 2:** Hoàn thiện Bảng kê hộ theo file mẫu tải về và thực hiện nhập thông tin theo đúng Bảng kê hộ mà người lập Bảng kê đã bàn giao như sau:

- Giữ nguyên mẫu file tải về: Không được thêm/xóa/thay đổi vị trí các cột đã quy định từ Cột 1 đến Cột 17 của file mẫu và nhập thông tin bắt đầu từ dòng thứ 7;
- Cột (1) đến (9)\_Cột từ Mã Tỉnh đến Tên Thôn, Cột (11)\_ Số TT nhà đến Cột (15)\_Số điện thoại: Định dạng **text**, sau đó nhập đầy đủ các thông tin từ Bảng kê hộ.

- Đối với thông tin IDDB TDT 2019: Nhập thông tin về IDDB TDT 2019 theo đúng thông tin do cơ quan thống kê đã cung cấp tại Bảng kê hộ cho người lập bảng kê (IDDB TDT 2019 cung cấp theo Công văn số 2169/TCTK-TTDL ngày 27/11/2023 về việc hướng dẫn rà soát địa bàn Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024).

**BẢNG KÊ HỘ ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ 01/4/2024**

**IDDB TDT 2019: 9999199991001**

Mã xã	Tên xã	Mã địa bàn	Tên địa bàn	Tên thôn	TTNT	STT nhà	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Số điện thoại	Số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ khi:		Ghi chú
											Lập bảng kê		
											Tổng số	Người nước ngoài	
(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	1	001	Trần Mỹ Húng	Khóm 2, TT Cầu Kè	0966666666	2	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	2	002	Triệu Hiệp Bình	Khóm 2, TT Cầu Kè	0988777555	3	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	3	003	Ông Thị Hía	Khóm 2, TT Cầu Kè	0987655778	2	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	4	004	Khưu Minh Lộc	Khóm 2, TT Cầu Kè	0967666666	4	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	5	005	Giang Thị Mỹ Dung	Khóm 2, TT Cầu Kè	0905076843	5	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	6	006	Lư Thị Phụng	Khóm 2, TT Cầu Kè	0987777888	2	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	7	007	Lục Thị Cẩm Nhung	Khóm 2, TT Cầu Kè	0123344544	2	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	8	008	Liêu Mỹ Chênh	Khóm 2, TT Cầu Kè	0979803887	5	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	9	009	Diệp Ngọc Ánh	Khóm 2, TT Cầu Kè	0859451317	2	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	10	010	Hồ Minh Trọng	Khóm 2, TT Cầu Kè	0982910700	5	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	11	011	Trương Văn Bửu	Khóm 2, TT Cầu Kè	0379291748	5	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	13	012	Nguyễn Văn Hóa	Khóm 2, TT Cầu Kè	0966666666	3	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	14	013	Huỳnh Trúc Linh	Khóm 2, TT Cầu Kè	0988777555	3	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	15	014	Huỳnh Tông Kiên	Khóm 2, TT Cầu Kè	0987655778	3	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	16	015	Kim Văn Đen	Khóm 2, TT Cầu Kè	0967666666	4	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	17	016	Lâm Tố Anh	Khóm 2, TT Cầu Kè	0905076843	4	0	

*Lưu ý:*

- Không sử dụng dấu Alt+Enter ngắt dòng đối với tất cả thông tin từ Cột 1 đến cột 17 theo từng dòng;

- Đối với thông tin về trường mã định danh và STT hộ nếu không đủ các ký tự/thiếu ký tự như quy định thì ghi bổ sung (các) số 0 vào (các) ô mã bên trái. Ví dụ: Nếu mã xã/phường theo quy định là 593 thì ghi 00593 hoặc STT hộ 1 thì ghi 001.

- Trường hợp cập nhật (Import) nhiều ĐBĐT: Mỗi ĐBĐT là 1 sheet và thực hiện đặt tên sheet của từng ĐBĐT là tên IDDB TDT 2019 như sau:

**BẢNG KÊ HỘ ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ 01/4/2024**

IDDB TDT 2019: 9999199991001

Mã xã	Tên xã	Mã địa bàn	Tên địa bàn	Tên thôn	TTNT	STT nhà	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Số điện thoại	Số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ khi:		Ghi chú
											Lập bảng kê		
											Tổng số	Người nước ngoài	
(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	1	001	Trần Mỹ Hùng	Khóm 2, TT Cầu Kè	0966666666	2	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	2	002	Triệu Hiệp Bình	Khóm 2, TT Cầu Kè	0988777555	3	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	3	003	Ông Thị Hía	Khóm 2, TT Cầu Kè	0987655778	2	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	4	004	Khuru Minh Lộc	Khóm 2, TT Cầu Kè	0967666666	4	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	5	005	Giang Thị Mỹ Dung	Khóm 2, TT Cầu Kè	0905076843	5	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	6	006	Lư Thị Phụng	Khóm 2, TT Cầu Kè	0987777888	2	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	7	007	Lục Thị Cẩm Nhung	Khóm 2, TT Cầu Kè	0123344544	2	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	8	008	Liêu Mỹ Chênh	Khóm 2, TT Cầu Kè	0979803887	5	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	9	009	Diệp Ngọc Ánh	Khóm 2, TT Cầu Kè	0859451317	2	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	10	010	Hồ Minh Trọng	Khóm 2, TT Cầu Kè	0982910700	5	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	11	011	Trương Văn Bửu	Khóm 2, TT Cầu Kè	0379291748	5	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	13	012	Nguyễn Văn Hóa	Khóm 2, TT Cầu Kè	0966666666	3	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	14	013	Huỳnh Trúc Linh	Khóm 2, TT Cầu Kè	0988777555	3	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	15	014	Huỳnh Tông Kiên	Khóm 2, TT Cầu Kè	0987655778	3	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	16	015	Kim Văn Đen	Khóm 2, TT Cầu Kè	0967666666	4	0	
99991	Phường	001	Tổ 1.2.3	Khu phố 1	1	17	016	Lâm Tố Anh	Khóm 2, TT Cầu Kè	0905076843	4	0	

9999199991001 9999199991025 9999199991047

**Bước 3:** Cập nhật (Import) bảng kê lên Trang điều hành tác nghiệp của Điều tra DSGK: “**Chọn file**” Bảng kê hộ đã hoàn thiện thông tin theo đúng yêu cầu, sau đó chọn “**Tải lên**” để thực hiện cập nhật Bảng kê hộ.

**ĐIỀU TRA DÂN SỐ GIỮA KỲ 2024**

Phần mềm

Trang chủ Văn bản - Tài liệu Danh sách nền Giám sát Tiến độ Tiện ích Tổng hợp Đổi mật khẩu

Hộ  
bản

Huyện Xã Địa bàn

Tất cả Tất cả Tất cả

**Chọn File** Tải lên



**ĐIỀU TRA DÂN SỐ GIỮA KỲ 2024**

Phần mềm CAPI Hướ

Trang chủ Văn bản - Tài liệu Danh sách nền Giám sát Tiến độ Tiện ích Tổng hợp Đổi mật khẩu

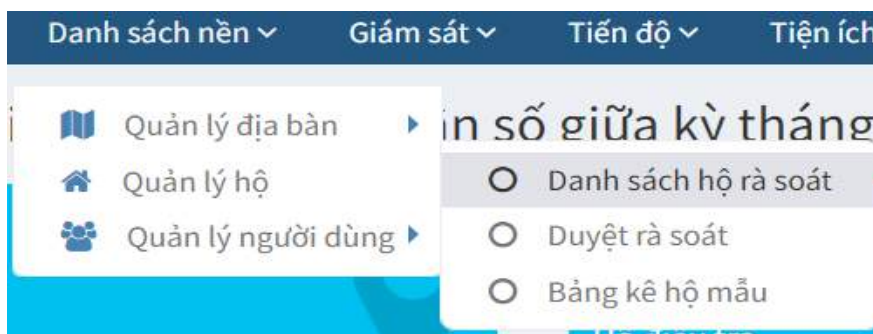
Hộ  
bản

Huyện Xã Địa bàn

Tất cả Tất cả Tất cả

**Chọn File** **Tải lên** Xem

**Bước 4:** Sau khi hoàn thành cập nhật Bảng kê hộ (Bước 3), thực hiện kiểm tra lại Bảng kê hộ đã được cập nhật thành công hay chưa, chọn **“Danh sách hộ rà soát”**, chọn **“Tỉnh/huyện/xã/địa bàn”** và chọn **“Xem”**.




**Danh sách hộ**

Tỉnh: 99 - Tỉnh test chuongy | Huyện: 991 - Huyện 991 | Xã: Tất cả | Địa bàn: Tất cả

Xem | Export to Excel

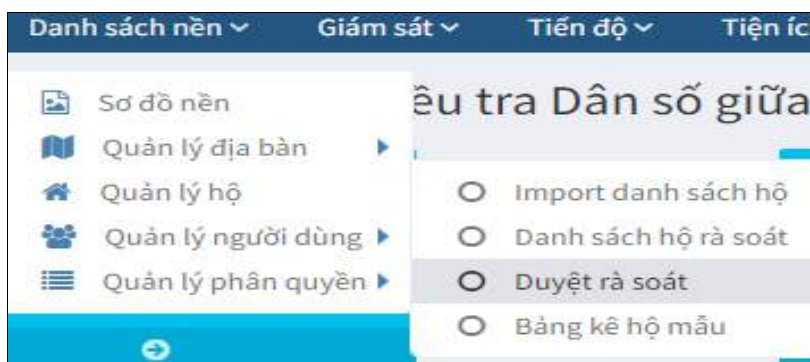
Hiện thị: 10 hộ | Tìm kiếm: [ ]

STT	IDHO_TDT	Tỉnh	Huyện	Xã	Địa bàn	Hộ số	Tên địa bàn	Họ tên Chủ hộ	Địa chỉ	Tổng số khẩu (2019)	Tổng số khẩu sau rà soát	HoChonDieuTra
[icon]	9999199991001001	99	991	99991	001	001	Tổ 1.2.3.3a	Trần Mỹ Hùng	Khóm 2, TT Cầu Kè	2	2	1
[icon]	9999199991001002	99	991	99991	001	002	Tổ 1.2.3.3a	Triệu Hiệp Bình	Khóm 2, TT Cầu Kè	3	3	0
[icon]	9999199991001003	99	991	99991	001	003	Tổ 1.2.3.3a	Ông Thị Hía	Khóm 2, TT Cầu Kè	2	2	0
[icon]	9999199991001004	99	991	99991	001	004	Tổ 1.2.3.3a	Khưu Minh Lộc	Khóm 2, TT Cầu Kè	4	4	1
[icon]	9999199991001005	99	991	99991	001	005	Tổ 1.2.3.3a	Giàng Thị Mỹ Dung	Khóm 2, TT Cầu Kè	5	5	0
[icon]	9999199991001006	99	991	99991	001	006	Tổ 1.2.3.3a	Lư Thị Phụng	Khóm 2, TT Cầu Kè	2	2	0

Trường hợp xuất excel Bảng kê hộ chọn  .



**Bước 5:** Duyệt Bảng kê hộ đã rà soát bằng tài khoản quản trị tỉnh/huyện. Chọn “Duyệt rà soát” để tiến hành duyệt các ĐBĐT đã hoàn thành cập nhật xong Bảng kê hộ.



**ĐIỀU TRA DÂN SỐ GIỮA KỲ 2024**

Phản mềm CAPI | Hướng dẫn | Giám sát tỉnh 99

Trang chủ | Văn bản - Tài liệu | Danh sách niên | Giám sát | Tiến độ | Tiện ích | Tổng hợp | Đổi mật khẩu

Duyệt/bỏ duyệt danh sách rà soát huyện

Hiện thị 10 huyện | Tìm kiếm

	Mã tỉnh	Mã huyện	Tên huyện	Duyệt chọn mẫu
	99	992	Huyện 992	Chưa duyệt
	99	994	Huyện 994	Chưa duyệt
	99	999	Huyện 999	Chưa duyệt
	99	991	Huyện 991	Chưa duyệt
	99	993	Huyện 993	Chưa duyệt
	99	995	Huyện 995	Chưa duyệt

Trước 1 Sau

\* Công tác cập nhật (Import) Bảng kê hộ lên Trang điều hành tác nghiệp hoàn thành **trước ngày 20/3/2024**.

\* Công tác chọn hộ mẫu điều tra trong Điều tra DSGK do Tổng cục Thống kê (Cục TTDL) thực hiện.



## **Phần IV**

---

### **PHỤ LỤC**





**Phụ lục I: Phiếu 01/DSGK-BK**  
**BẢNG KÊ HỘ**  
**ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024**

Tỉnh/thành phố: \_\_\_\_\_  Xã/phường: \_\_\_\_\_   
Huyện/quận: \_\_\_\_\_  Thành thị/nông thôn (TTNT)   
(Thành thị = 1; Nông thôn = 2)  
Tên địa bàn: \_\_\_\_\_  IDDB TDT 2019: \_\_\_\_\_   
Người lập bảng kê: \_\_\_\_\_ Số điện thoại: \_\_\_\_\_

STT nhà	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Số ĐT của hộ	Số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ khi lập bảng kê		Ghi chú
					Tổng số	Trong đó: Số người nước ngoài	
A	B	C	D	E	1	2	3
1	001	Nguyễn Văn A	Số nhà 5, ngõ 2, đường...		4	0	
2	002	Đặng Thị B			4	1	
3							
4							
5							
6							
Tổng số hộ của DB		50					

Ngày ... tháng ... năm 2024  
**NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ**

**Phụ lục II:**

**BẢNG KÊ HỘ ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024 (CẬP NHẬT WEB)**

IDDB TDT 2019: 9999199991001

Mã tỉnh	Tên tỉnh	Mã huyện	Tên huyện	Mã xã	Tên xã	Mã địa bàn	Tên địa bàn	Tên thôn	TTNT	STT nhà	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Số điện thoại	Số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ khi:		Ghi chú
															Lập bảng kê		
															Tổng số	Người nước ngoài	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)

**Phụ lục III:**  
**QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU**  
**THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ**

**Câu 1.** Xin Ông/Bà cho biết hộ và tên chủ hộ?

(GHI HỌ VÀ TÊN VÀO BẢNG KÊ HỘ)

**Câu 2.** Xin Ông/Bà cho biết, có bao nhiêu người hiện đang ăn, ở tại hộ ta được 6 tháng trở lên (bao gồm cả người nước ngoài, người giúp việc hoặc người đến ở cùng hộ) mà không phân biệt hộ có hay không có hộ khẩu thường trú tại hộ; và những người đang ăn, ở tại hộ chưa được 6 tháng nhưng có ý định ở lâu dài tại hộ?

(GHI SỐ NGƯỜI VÀO GIẤY NHÁP)

**Câu 3.** Xin Ông/Bà cho biết, trong số những người vừa nêu có bao nhiêu người: thuộc biên chế ngành Quân đội, Công an ăn, ở tập trung tại doanh trại/đơn vị; Là học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ; Người đến thăm/đến chơi, nghỉ hè/nghỉ lễ, đến ở vì mục đích công tác, đào tạo ngắn hạn dưới 1 năm?

(NẾU CÓ, GHI SỐ NGƯỜI VÀO GIẤY NHÁP)

**Câu 4.** Trong hộ ta có bao nhiêu người lâu nay vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng hiện nay đang đi vắng vì các lý do như: Đi làm ăn xa dưới 6 tháng và không có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động; đi chữa bệnh/điều trị nội trú tại cơ sở y tế; học sinh phổ thông đi trọ học/đi ở nhờ; người buôn chuyến, đi tàu viễn dương; đi nước ngoài trong thời hạn cho phép; đi đánh bắt hải sản hoặc bị quân đội, công an tạm giữ; người rời hộ dưới 1 năm vì các mục đích: đi chơi/thăm người thân, bạn bè; nghỉ hè, nghỉ lễ, du lịch; chữa bệnh; công tác; đào tạo ngắn hạn...?

(NẾU CÓ, GHI SỐ NGƯỜI VÀO GIẤY NHÁP)

Xác định số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ:

**NKTTTT = (Số người ở Câu 2 - Số người ở Câu 3 + Số người ở Câu 4)**



